HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26 /2023/NQ-HĐND	*Thái Nguyên, ngày 08 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ khám bệnh, chữa bệnh, điều dưỡng đối với cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cán bộ thuộc diện bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ của tỉnh Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Xét Tờ trình số 177/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên dự thảo Nghị quyết Quy định chế độ khám, chữa bệnh, điều dưỡng đối với cán bộ lão thành cách mạng, tiền khởi nghĩa, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cán bộ thuộc diện bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ khám bệnh, chữa bệnh, điều dưỡng đối với cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cán bộ thuộc diện bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ của tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười sáu thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Y tế (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, các đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Phạm Hoàng Sơn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Nội dung chi, mức chi hỗ trợ khám bệnh, chữa bệnh, điều dưỡng đối với cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cán bộ thuộc diện bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ của tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Nghị quyết số 26 /2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ khám bệnh, chữa bệnh, điều dưỡng đối với cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cán bộ (gồm cán bộ đương chức và cán bộ nghỉ hưu) thuộc diện bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ của tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng 1

a) Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng (bao gồm Ủy viên chính thức và Ủy viên dự khuyết);

b) Bí thư Tỉnh ủy;

c) Phó Bí thư Tỉnh ủy;

d) Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh;

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

e) Cán bộ có chức danh tương đương các chức danh quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này trở lên của Trung ương và địa phương khác đã nghỉ hưu đang thường trú và sinh sống trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng 2

a) Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh;

c) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Trưởng đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;

đ) Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động chuyên trách (theo Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003);

e) Cán bộ lão thành cách mạng (người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945), cán bộ tiền khởi nghĩa (người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945), Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

g) Cán bộ có quân hàm cấp tướng trong lực lượng vũ trang Nhân dân;

h) Cán bộ có chức danh tương đương các chức danh quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều này trở lên của Trung ương và địa phương khác đã nghỉ hưu đang thường trú và sinh sống trên địa bàn tỉnh.

3. Đối tượng 3

a) Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh;

b) Cấp trưởng các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; Bí thư các huyện ủy, thành ủy, thị ủy, đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Tỉnh ủy;

c) Tổng Biên tập Báo Thái Nguyên, Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh, Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên, Giám đốc Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh;

d) Cấp trưởng các sở, ban, ngành và tương đương của tỉnh; Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh; cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh gồm: Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh, Hội Nông dân tỉnh;

e) Chỉ huy trưởng, Chính ủy Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh.

4. Đối tượng 4

a) Cấp phó các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; Phó Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;

b) Phó Tổng Biên tập Báo Thái Nguyên, Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh, Phó Trưởng ban Quản lý Khu công nghiệp Thái Nguyên; Phó Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; Phó Trưởng Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh;

c) Cấp phó các sở, ban, ngành và tương đương của tỉnh; Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Phó Bí thư huyện ủy, thành ủy, thị ủy, đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Tỉnh ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã;

đ) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, cấp phó các đoàn thể chính trị - xã hội của tỉnh gồm: Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh, Hội Nông dân tỉnh. Cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền cho Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý được điều động, cử tham gia cấp trưởng, cấp phó các Hội đặc thù cấp tỉnh (Hội được giao biên chế); cấp trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

e) Cấp trưởng, cấp phó công tác tại cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh đã nghỉ hưu đang thường trú và sinh sống trên địa bàn tỉnh;

g) Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân, Anh hùng Lao động đang thường trú và sinh sống trên địa bàn tỉnh;

h) Sỹ quan Quân đội, Công an hàm Đại tá tham gia cả 3 cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và chiến tranh biên giới đang thường trú và sinh sống trên địa bàn tỉnh;

i) Thầy thuốc Nhân dân, Nhà giáo Nhân dân, Nghệ sỹ Nhân dân đang thường trú và sinh sống trên địa bàn tỉnh;

k) Cấp trưởng, cấp phó từ cấp cục, vụ, viện và tương đương trở lên đã nghỉ hưu tại các cơ quan Trung ương, địa phương khác đang thường trú và sinh sống trên địa bàn tỉnh;

l) Sỹ quan lực lượng vũ trang hàm Đại tá, Thượng tá có chức danh tương đương Chỉ huy trưởng, Chính ủy Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Phó Chỉ huy trưởng, Phó Chính ủy Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Phó Giám đốc Công an tỉnh nghỉ hưu, đang thường trú và sinh sống trên địa bàn tỉnh.

5. Đối tượng 5

a) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố, thị xã hoạt động chuyên trách (theo Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003); Ủy viên Ban Thường vụ các huyện, thành phố, thị xã và đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Tỉnh ủy; cấp phó các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh;

b) Chủ tịch Công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ sở hữu; người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần; cấp trưởng các đơn vị trực thuộc các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh (do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm);

c) Các trường hợp chức danh khi nghỉ hưu không phải chức danh do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý nhưng trong quá trình công tác có thời gian đảm nhiệm chức vụ do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (chỉ áp dụng với các trường hợp điều động cán bộ do sắp xếp, sáp nhập tổ chức bộ máy, trừ các trường hợp bị xử lý kỷ luật trước khi điều động bổ nhiệm);

d) Giáo sư đang làm việc tại các cơ quan đóng trên địa bàn tỉnh hoặc đã nghỉ hưu nhưng đang thường trú và sinh sống trên địa bàn tỉnh;

đ) Giám đốc, Phó Giám đốc các Ngân hàng thương mại có vốn Nhà nước chi phối trên địa bàn tỉnh;

e) Cấp trưởng, cấp phó đang công tác tại các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

6. Đối tượng 6

Sỹ quan Quân đội Nhân dân, Công an Nhân dân:

a) Được thăng cấp bậc hàm Đại tá trong thời gian đang công tác (trước khi có quyết định nghỉ chờ hưu), đang thường trú trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (Đại tá công an Nhân dân phải có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên);

b) Sỹ quan có chức danh trước khi nghỉ hưu không phải chức danh do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý nhưng trong quá trình công tác có thời gian đảm nhiệm chức vụ do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (không do sắp xếp, sáp nhập tổ chức bộ máy, trừ các trường hợp bị xử lý kỷ luật trước khi điều động bổ nhiệm).

7. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc, điều kiện áp dụng

1. Cán bộ tại thời điểm nghỉ hưu giữ chức vụ nào thì hưởng chế độ hỗ trợ ở chức vụ đó. Riêng đối tượng là cán bộ được xác định tại điểm c khoản 5 Điều 2 Nghị quyết này, chức danh làm căn cứ xác định đối tượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe là chức danh trước khi được cấp có thẩm quyền điều động cán bộ.

2. Người có nhiều chức danh thuộc đối tượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ quy định tại Điều 2 Nghị quyết này chỉ được hưởng chế độ hỗ trợ đối với chức danh cao nhất.

3. Cán bộ cơ quan Trung ương, địa phương khác khi nghỉ hưu sinh sống và thường trú trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên chỉ được hưởng chế độ hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này khi có văn bản xác nhận chưa được hưởng chế độ hỗ trợ chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ của cơ quan Trung ương hoặc Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh nơi công tác trước khi nghỉ hưu.

4. Trường hợp người có chức danh thuộc đối tượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ quy định tại Điều 2 Nghị quyết này bị cấp có thẩm quyền kỷ luật bằng hình thức cách chức trở lên hoặc xóa tư cách chức vụ đã đảm nhiệm trong Đảng hoặc chính quyền thì không được hưởng chế độ hỗ trợ, chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ.

Điều 4. Hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ, khám sức khỏe trước khi bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Khám sức khỏe định kỳ

a) Đối tượng 1, Đối tượng 2, Đối tượng 3, Đối tượng 4, Đối tượng 5: Được hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ 02 lần/năm theo mẫu và danh mục các dịch vụ kỹ thuật do Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Trung ương ban hành.

b) Đối tượng 6: Được hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm, theo mẫu và danh mục các dịch vụ kỹ thuật do Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Trung ương ban hành.

c) Mức hỗ trợ:

c1) Đối tượng 1: Kinh phí do Trung ương chi trả. Ngoài ra, được hỗ trợ 100% từ nguồn ngân sách tỉnh đối với chi phí phát sinh theo chỉ định của Bác sỹ hoặc yêu cầu của Hội đồng chuyên môn.

c2) Đối tượng 2: Được hỗ trợ 100% kinh phí khám sức khỏe định kỳ và chi phí phát sinh theo chỉ định của Bác sỹ hoặc yêu cầu của Hội đồng chuyên môn.

c3) Đối tượng 3, Đối tượng 4, Đối tượng 5, Đối tượng 6: Được hỗ trợ 100% kinh phí khám sức khỏe định kỳ và chi phí phát sinh theo chỉ định của Bác sỹ hoặc yêu cầu của Hội đồng chuyên môn. Mức chi không quá 4.500.000 đồng/người/đợt khám.

2. Khám sức khỏe trước khi bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

a) Cán bộ trước khi được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử hoặc đề nghị chỉ định vào các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ, được khám kiểm tra sức khỏe tại Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh.

b) Mức hỗ trợ: 100% kinh phí khám sức khỏe và chi phí phát sinh theo chỉ định của Bác sỹ hoặc yêu cầu của Hội đồng chuyên môn.

Điều 5. Hỗ trợ khám bệnh, điều trị bệnh, phòng bệnh

1. Khi khám bệnh, chữa bệnh, phòng bệnh tại Phòng khám - Quản lý sức khỏe cán bộ thuộc Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh

a) Hỗ trợ 100% chi phí người bệnh cùng chi trả theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế. Áp dụng đối với đối tượng theo quy định tại Điều 2.

b) Hỗ trợ chi phí thanh toán thuốc, thực phẩm chức năng và sản phẩm dinh dưỡng hỗ trợ điều trị bệnh, bồi dưỡng và nâng cao sức khỏe không nằm trong danh mục của Bảo hiểm y tế:

b1) Đối tượng 1 và Đối tượng 2: Hỗ trợ 100% theo đơn theo chỉ định của Bác sỹ.

b2) Đối tượng 3: Hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng/năm.

b3) Đối tượng 4: Hỗ trợ không quá 4.000.000 đồng/năm.

b4) Đối tượng 5: Hỗ trợ không quá 2.000.000 đồng/năm.

c) Công tác phòng bệnh: Hỗ trợ 100% chi phí phòng bệnh. Áp dụng đối với Đối tượng 1 và Đối tượng 2.

2. Khi khám bệnh, chữa bệnh tại các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến Trung ương: Trường hợp phải sử dụng thuốc và các biện pháp điều trị bệnh có chi phí lớn (Ung thư, thuốc chống thải ghép, sử dụng dịch vụ kỹ thuật cao ngoài danh mục Bảo hiểm y tế chi trả), mức hỗ trợ như sau:

a) Đối tượng 1: Hỗ trợ 100% chi phí người bệnh cùng chi trả.

b) Đối tượng 2: Hỗ trợ 60% chi phí người bệnh cùng chi trả, tối đa 50.000.000 đồng/năm (không áp dụng điều trị theo yêu cầu).

Điều 6. Hỗ trợ điều dưỡng

1. Hỗ trợ điều dưỡng tập trung áp dụng đối với Đối tượng 1 và Đối tượng 2.

a) Đối tượng 1: Định kỳ 01 lần/01 năm. Thời gian không quá 10 ngày. Mức chi không quá 20.000.000 đồng/người.

b) Đối tượng 2: Định kỳ 01 lần/01 năm. Thời gian không quá 07 ngày. Mức chi không quá 15.000.000 đồng/người.

2. Hỗ trợ điều dưỡng tại nhà

a) Hằng năm, Đối tượng 3, Đối tượng 4, Đối tượng 5 được hưởng chế độ hỗ trợ điều dưỡng tại nhà. Mức chi cụ thể như sau:

a1) Đối tượng 3: 3.000.000 đồng/năm.

a2) Đối tượng 4 (không bao gồm đối tượng quy định tại điểm k, điểm l khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này): 2.000.000 đồng/năm.

a3) Đối tượng 5 (không bao gồm đối tượng quy định tại điểm đ, điểm e khoản 5 Điều 2 Nghị quyết này): 1.000.000 đồng/năm.

b) Trường hợp Đối tượng 1 và Đối tượng 2 không đi điều dưỡng tập trung theo kế hoạch của tỉnh, thì được thực hiện chế độ hỗ trợ điều dưỡng tại nhà, mức chi bằng 50% mức hỗ trợ điều dưỡng tập trung/người.

Điều 7. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết từ ngân sách tỉnh./.